

Bản án số: 40/2018/HSPT
Ngày 28-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy Lam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng; Ông Trần Văn Cảnh

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 65/2018/TLPT-HS ngày 22 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo Lê Hoài T1, Lê Hoài T2, Trần Minh T3, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 3 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Lê Hoài T1.(Tên gọi khác là Kem) Sinh ngày 26/12/1998 tại C, Gia Lai; Nơi cư trú: Làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hồng N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; có vợ là Lê Thị M, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 15/9/2017, thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh ngày 09/01/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Trần Minh T3. (Tên gọi khác là Tun) Sinh năm 1996 tại C, Gia Lai; Nơi cư trú: Thôn H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần T (đã chết) và bà Trần Thị T, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Lê Hoài T2.(Tên gọi khác là Thổ) Sinh ngày 27/12/1999 tại C, Gia Lai; Nơi cư trú: Làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hồng N, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; tạm giam từ ngày 19/11/2017, thay đổi biện

pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh ngày 09/01/2018. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài T1: Ông Trần Đại H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai, có mặt

*Đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Hoài T1: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Làng P, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai, có mặt

2. Bị cáo không có kháng cáo: Đoàn Ngọc V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì mâu thuẫn trong việc Lê Hoài T1 mua của Trần Văn P 01 xe mô tô hiệu Sirius nhưng không có giấy đăng ký xe mô tô với số tiền là 4.800.000 đồng đem về sử dụng thì bị Công an tạm giữ, T1 yêu cầu P lấy xe cho T1 hoặc trả lại tiền nhưng hai bên không thống nhất được. Do đó, ngày 14/7/2017, T1 cùng với Trần Minh T3, Đoàn Ngọc V, Lê Hoài T2 mang theo dao và mã tấu đến nhà anh Trần Văn P đe dọa đòi tiền. Lê Hoài T1 đã dùng dao và lời nói đe dọa anh P “Mày có đưa tiền cho tao không, không đưa thì mày khỏi sống đất này”, T3, V, T2 đã dùng dao và mã tấu đưa lên cao và chỉ về mặt anh P đe dọa làm anh P sợ không dám chống cự mà phải đưa tiền. Các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Trần Văn P với số tiền 3.000.000 đồng.

2.Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 3/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Hoài T1, Lê Hoài T2, Trần Minh T3 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Hoài T1 12 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam, giữ từ ngày 15/9/2017 đến ngày 09/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

Bị cáo Trần Minh T3 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

-Áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58; Điều 90, 91, 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Hoài T2 06 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam, giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 09/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với Đoàn Ngọc V; tuyên xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí; quyền kháng cáo của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo luật định.

3.Kháng cáo của các bị cáo:

Ngày 09/5/2018 các bị cáo Lê Hoài T1, Lê Hoài T2, Trần Minh T3 kháng cáo xin được hưởng án treo.

4.Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp thêm chứng cứ gì mới và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo

Người bào chữa cho bị cáo Lê Hoài T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Lê Hoài T2 được hưởng án treo

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xuất phát từ mâu thuẫn trong việc Lê Hoài T1 mua của Trần Văn P xe mô tô nhưng không có giấy đăng ký xe đem về sử dụng thì bị Công an bắt, và việc T1 yêu cầu Phúc lấy xe về cho T1 hoặc trả lại tiền nhưng không được, nên ngày 14/7/2017 T1 cùng Lê Hoài T2, Trần Minh T3, Đoàn Ngọc V đã sử dụng dao, rựa và dùng lời nói đe dọa làm anh P sợ hãi không dám chống cự đã đưa cho T1 cùng đồng bọn số tiền là 3.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Hoài T1 là người rủ rê, điện thoại cho Lê Hoài T2 lấy dao, mã tấu và trực tiếp dùng dao, lời nói đe dọa anh P nhằm uy hiếp tinh thần anh P, bị cáo Trần Minh T3 trực tiếp dùng dao đưa lên cao và chỉ vào mặt anh P đe dọa, bị cáo Lê Hoài T2 chuẩn bị dao, mã tấu và trực tiếp cầm dao đe dọa anh P. Các bị cáo đã phạm vào tội nghiêm trọng, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 với mức hình phạt là từ 01 đến 05 năm tù. Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử vụ án đã xem xét vai trò của từng bị cáo, đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phía người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để áp dụng điều luật quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo T1, điều luật xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo T2 và tuyên phạt bị cáo Lê Hoài T1 mức khởi điểm của khung hình phạt là 12 tháng tù, bị cáo Trần Minh T3 09 tháng tù, bị cáo Lê Hoài T2 06 tháng tù là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T2 bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra, giải quyết vụ án và bị cơ quan tiến hành tố tụng ra Quyết định truy nã, thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo

Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trình bày đều đã được áp dụng trong quá trình xét xử sơ thẩm. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không cung cấp được chứng cứ mới để Hội đồng xem xét, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 3/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Lê Hoài T1, Trần Minh T3, Lê Hoài T2.

Tuyên bố các bị cáo Lê Hoài T1, Lê Hoài T2, Trần Minh T3 phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

- Áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Hoài T1 12 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam, giữ từ ngày 15/9/2017 đến ngày 09/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

Bị cáo Trần Minh T3 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

-Áp dụng khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51, 54, 58; Điều 90, 91, 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo Lê Hoài T2 06 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giam, giữ từ ngày 19/11/2017 đến ngày 09/01/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án

2. Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Lê Hoài T1, Trần Minh T3, Lê Hoài T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Trại giam T20;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa hình sự, VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Duy Lam